

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án “Phát triển giáo dục nghề nghiệp gắn với giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2026-2030”

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 10/12/2025;

Căn cứ Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 04/5/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

Căn cứ các Nghị quyết của Chính phủ: Số 281/NQ-CP ngày 15/9/2025 Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; số 10/2026/NQ-CP ngày 10/3/2026 về việc tiếp tục áp dụng văn bản quy định chi tiết, quy định biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số luật đã được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế;

Căn cứ Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ “Phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045”;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 73/QĐ-TTg ngày 10/02/2023 Phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; số 153/QĐ-TTg ngày 27/02/2023 Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 468/QĐ-BGDĐT ngày 03/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố văn bản quy phạm pháp luật của Bộ trưởng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết, quy định biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành các văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung, thay thế từ ngày 01/01/2026 tiếp tục được áp dụng toàn bộ, một phần;

Căn cứ Nghị quyết số 03-NQ/ĐH ngày 16/10/2025 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025-2030;

Căn cứ Kế hoạch số 146-KH/TU ngày 05/7/2023 của Tỉnh ủy Thanh Hóa thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 04/5/2023 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”;

Căn cứ Kế hoạch số 228-KH/TU ngày 20/9/2024 của Tỉnh ủy Thanh Hóa thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW của Ban Bí thư về đổi mới công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ các Kế hoạch của UBND tỉnh: Số 136/KH-UBND ngày 16/5/2022 về triển khai, thực hiện Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; số 215/KH-UBND ngày 30/8/2023 thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 04/5/2023 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” và Kế hoạch số 146 KH/TU ngày 05/7/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thanh Hóa; số 227/KH-UBND ngày 20/11/2024 triển khai thực hiện Kế hoạch số 228-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 932/TTr-SGDĐT ngày 14/3/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án “Phát triển giáo dục nghề nghiệp gắn với giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2026-2030”.

Điều 2. Các sở, ngành, đơn vị có liên quan, căn cứ nhiệm vụ được giao tại Đề án để thực hiện, đảm bảo chất lượng, đúng tiến độ. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ đôn đốc, kiểm tra các đơn vị liên quan triển khai, thực hiện Đề án.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Giáo dục và Đào tạo; Nội vụ; Tài chính; Khoa học và Công nghệ; Công Thương; Ngoại vụ; Nông nghiệp và Môi trường; Trưởng Ban Quản lý Khu Kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VHXXHGDNN08

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đầu Thanh Tùng

ĐỀ ÁN

**Phát triển giáo dục nghề nghiệp gắn với giải quyết việc làm
trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2026-2030**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Phần thứ nhất

SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Tỉnh Thanh Hóa, với vị trí địa lý chiến lược nằm ở Bắc Trung Bộ, dân số hơn 4,3 triệu người và diện tích 11.116 km² (Cục Thống kê - Bộ Tài chính, 2025), đang nổi lên như một trung tâm công nghiệp mới của miền Bắc Việt Nam, nhờ vào các khu kinh tế và các dự án FDI lớn. Trong giai đoạn 2021-2025, tỉnh đã thu hút 173 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) với tổng vốn đăng ký đạt 15,2 tỷ USD, tập trung vào các ngành chế biến, chế tạo và năng lượng, tạo ra nhu cầu lớn về nguồn nhân lực chất lượng cao. Năm 2023, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 73,12%, trong đó lao động có bằng cấp, chứng chỉ chiếm 27,56%, cao hơn mức trung bình cả nước (27,18%) nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu của các doanh nghiệp FDI, nơi yêu cầu ít nhất 40% lao động có kỹ năng chuyên sâu (Cục Thống kê Thanh Hóa, 2025). Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 65 cơ sở giáo dục nghề nghiệp (GDNN), cơ sở hoạt động GDNN (sau đây gọi chung là đơn vị hoạt động GDNN), trong đó có 33 cơ sở GDNN, chiếm 50,77% (gồm: 11 trường cao đẳng, 15 trường trung cấp, 07 trung tâm GDNN); 32 cơ sở hoạt động GDNN bao gồm doanh nghiệp và các cơ sở loại hình khác, chiếm 49,23%. Đây là hệ thống chủ đạo để đào tạo ra nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao tham gia trực tiếp vào thị trường lao động, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Trong những năm qua, cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và toàn xã hội, hệ thống GDNN đã không ngừng đổi mới và có nhiều chuyển biến tích cực, từng bước đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động. Tuy nhiên, quy mô GDNN còn nhỏ; cơ cấu ngành, nghề, trình độ đào tạo chưa phù hợp; chất lượng, hiệu quả đào tạo chưa cao, nhất là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, ngành, nghề mới, kỹ năng tiên tiến. Chính sách, pháp luật chưa theo kịp yêu cầu thực tiễn; nguồn lực đầu tư cho phát triển giáo dục nghề nghiệp chưa tương xứng. Năng lực quản lý nhà nước còn hạn chế. Gắn kết giữa Nhà nước - nhà trường - doanh nghiệp chưa chặt chẽ. Hình thức, phương pháp tổ chức đào tạo chậm đổi mới, chưa đa dạng, linh hoạt để đáp ứng kịp thời nhu cầu của thị trường lao động; công tác đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho người lao động chưa được chú trọng, chưa tạo cơ hội và khuyến khích người lao động tham gia học tập suốt đời. Việc chuyển giao, nhân

rộng các chương trình theo chuẩn quốc tế còn khó khăn, thiếu đồng bộ.

Những hạn chế nêu trên chủ yếu là do: Nhận thức của xã hội, người dân về giáo dục nghề nghiệp chưa đầy đủ, tâm lý chạy theo bằng cấp cao vẫn còn phổ biến. Công tác hướng nghiệp, phân luồng, liên thông chưa hiệu quả, có mặt còn yếu kém. Chưa có cơ sở giáo dục nghề nghiệp của tỉnh đạt trình độ khu vực, quốc tế; chính sách, pháp luật chưa tạo đột phá để khuyến khích doanh nghiệp tham gia đào tạo nghề gắn với hoạt động doanh nghiệp; công tác phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương chưa chặt chẽ, hiệu quả.

Xu hướng phát triển của GDNN gắn với giải quyết việc làm giai đoạn 2026 - 2030 đặt ra với yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo, hệ thống GDNN phát triển mạnh mẽ, được hình thành theo hướng mở, linh hoạt, cơ bản phù hợp với các nước trên thế giới. Các điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo được tăng cường, bước đầu hình thành một số cơ sở đào tạo và chương trình đào tạo chất lượng cao theo chuẩn quốc tế. Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề có bằng cấp, chứng chỉ; tỷ lệ lao động có việc làm phù hợp với kỹ năng nghề và trình độ đào tạo tăng; lao động Việt Nam từng bước tham gia và đảm nhận nhiều vị trí công việc trước đây do chuyên gia nước ngoài đảm nhiệm.

Ngoài ra, cùng với sự biến chuyển của nền kinh tế trong nước cũng như thế giới, sự chuyển dịch các ngành nghề mới, các ngành nghề sử dụng công nghệ cao dần thay thế các ngành nghề truyền thống. Việc ưu tiên phát triển tiên phong các ngành, nghề về thương mại - dịch vụ tiêu chuẩn khu vực và quốc tế (y tế, điều dưỡng, chăm sóc sức khỏe, dịch vụ thẩm mỹ; vận tải, kho bãi và các hoạt động hỗ trợ vận tải (logistics); du lịch thể thao, vui chơi giải trí; du lịch golf; kinh doanh; du lịch, nhà hàng, khách sạn); các ngành, nghề về công nghiệp - xây dựng công nghiệp công nghệ cao (Công nghiệp phần mềm; Công nghiệp cơ điện tử, chip bán dẫn, trí tuệ nhân tạo; Internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo); các ngành, nghề nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao,... là cần thiết đối với các cơ sở GDNN trên địa bàn tỉnh.

Trước yêu cầu ngày càng cao của toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, trước bối cảnh của nền công nghiệp hóa, hiện đại hóa và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đặt ra GDNN trên địa bàn tỉnh một thách thức không nhỏ để có sự chuyển dịch và thay đổi nhanh chóng, mạnh mẽ, toàn diện, tạo sự phát triển đặc biệt đột phá góp phần nâng cao hơn nữa chất lượng và vị thế của giáo dục nghề nghiệp trước một thị trường lao động năng động và đa dạng hóa. Do vậy, đầu tư cho GDNN để đào tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao là đầu tư cho sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững, là yếu tố then chốt để nâng cao vị thế cạnh tranh, thu hút nguồn lực đầu tư, xây dựng tỉnh Thanh Hóa trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại, một cực tăng trưởng mới, dẫn đầu cả nước và là "tỉnh kiểu mẫu" về mọi mặt vào năm 2030. Đến năm 2045, tỉnh hướng tới trở thành địa phương giàu đẹp, văn minh, hạnh phúc, trung tâm lớn của cả nước về công nghiệp chế biến, chế tạo và dịch vụ.

Với những luận cứ trên, việc xây dựng Đề án **“Phát triển giáo dục nghề nghiệp gắn với giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn**

2026-2030” là rất cần thiết trong bối cảnh hiện nay.

Việc xây dựng Đề án sẽ cụ thể hóa các chủ trương của Đảng, Nhà nước và của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh trong việc đầu tư phát triển GDNN gắn với giải quyết việc làm. Đây cũng là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, trong đó đặc biệt chú trọng việc định hướng, nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ sở GDNN, những đơn vị chủ đạo trong công tác tuyển sinh, đào tạo, cung cấp lượng lớn nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao với trình độ chuyên môn và kỹ năng tay nghề giỏi cho thị trường lao động trong tỉnh và địa bàn cả nước.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Chủ trương của Đảng

1.1. Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

1.2. Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

1.3. Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

1.4. Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

1.5. Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 04/5/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

1.6. Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và Đào tạo.

1.7. Nghị quyết số 03-NQ/ĐH ngày 16/10/2025 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025-2030.

1.8. Kế hoạch số 146-KH/TU ngày 05/7/2023 của Tỉnh ủy Thanh Hóa thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 04/5/2023 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”.

1.9. Kế hoạch số 228-KH/TU ngày 20/9/2024 của Tỉnh ủy Thanh Hóa thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW của Ban Bí thư về đổi mới công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

2. Quy định của nhà nước

2.1. Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2025.

2.2. Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

2.3. Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2.4. Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06/4/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

2.5. Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ “Phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045”.

2.6. Quyết định số 73/QĐ-TTg ngày 10/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2.7. Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 27/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2.8. Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

2.9. Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

2.10. Nghị quyết số 10/2026/NQ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ về việc tiếp tục áp dụng văn bản quy định chi tiết, quy định biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số luật đã được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

2.11. Quyết định số 468/QĐ-BGDĐT ngày 03/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố văn bản quy phạm pháp luật của Bộ trưởng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết, quy định biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành các văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung, thay thế từ ngày 01/01/2026 tiếp tục được áp dụng toàn bộ, một phần.

2.12. Nghị quyết số 25/2024/NQ-HĐND ngày 31/5/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định đối tượng, mức hỗ trợ chi phí đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

2.13. Nghị quyết số 52/2024/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

2.14. Các Kế hoạch của UBND tỉnh: số 136/KH-UBND ngày 16/5/2022 về triển khai, thực hiện Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai

đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; số 215/KH-UBND ngày 30/8/2023 thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 04/5/2023 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” và Kế hoạch số 146 KH/TU ngày 05/7/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thanh Hóa; số 227/KH-UBND ngày 20/11/2024 triển khai thực hiện Kế hoạch số 228-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW của Ban Bí thư về đổi mới công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Phần thứ hai

THỰC TRẠNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP VÀ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

I. THỰC TRẠNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

1. Số lượng đơn vị hoạt động giáo dục nghề nghiệp

Tính đến tháng 12 năm 2025, trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa có tổng số 65 cơ sở GDNN, cơ sở hoạt động GDNN, trong đó:

- Phân theo loại hình đơn vị: Có 33 cơ sở GDNN, chiếm 50,77% (11 trường cao đẳng; 15 trường trung cấp; 07 trung tâm GDNN); 32 cơ sở hoạt động GDNN bao gồm doanh nghiệp và các cơ sở loại hình khác, chiếm 49,23%.

- Phân theo cấp quản lý: Có 03 đơn vị do Trung ương quản lý (bao gồm: 02 trường cao đẳng, 01 trường trung cấp) và 61 đơn vị do tỉnh quản lý (bao gồm: 09 trường cao đẳng; 14 trường trung cấp; 07 trung tâm GDNN và 32 doanh nghiệp và các cơ sở khác).

- Phân theo hình thức sở hữu:

- + Có 38 đơn vị công lập, bao gồm: 03 đơn vị do Trung ương quản lý (02 trường cao đẳng, 01 trường trung cấp) và 35 đơn vị do Địa phương quản lý (04 trường cao đẳng, 08 trường trung cấp, 23 trung tâm GDNN - GDTX)

- + Có 27 đơn vị tư thục do Địa phương quản lý (05 trường cao đẳng, 06 trường trung cấp, 07 trung tâm GDNN và 09 doanh nghiệp, loại hình khác).

- + 01 đơn vị có vốn đầu tư nước ngoài (01 Trung tâm GDNN).

(Biểu số 01 kèm theo).

2. Phân bố mạng lưới đơn vị hoạt động giáo dục nghề nghiệp

Các đơn vị hoạt động GDNN có trụ sở chính tập trung chủ yếu tại:

- *Trường cao đẳng*: Tập trung chủ yếu tại khu vực đồng bằng, trung tâm của tỉnh Thanh Hóa.

- *Trường trung cấp*: Có tổng số 16 trường (địa phương) có trụ sở chính được phân bố đồng đều ven biển, đồng bằng, miền núi của tỉnh.

- *Trung tâm giáo dục nghề nghiệp*: có tổng số 07 trung tâm, trong đó có 01 Trung tâm có vốn đầu tư nước ngoài, có trụ sở chính trong Khu kinh tế Nghi Sơn.

- *Doanh nghiệp và các loại hình khác*: 23 trung tâm GNDN-GDTEX, 9 đơn vị là doanh nghiệp có tham gia hoạt động đào tạo nghề nghiệp có trụ sở chính phân bố đều trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

3. Về cơ sở vật chất phục vụ đào tạo

Các cơ sở GDNN ngày càng được tăng cường để đáp ứng yêu cầu đào tạo. Tổng diện tích đất được giao sử dụng của các trường cao đẳng, trung cấp và trung tâm GDNN là 1.505.923 m². Diện tích phòng học lý thuyết là 72.842m²; phòng/xưởng thực hành là 191.452 m², cơ bản đáp ứng yêu cầu đào tạo theo quy định tại Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 và Nghị định 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ.

4. Về quy mô tuyển sinh đào tạo

Tính đến thời điểm tháng 12 năm 2025, tổng quy mô tuyển sinh/năm đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép cho 65 đơn vị hoạt động GDNN trên địa bàn tỉnh khoảng 54.500 người. Trong đó:

- Các trường cao đẳng được cấp phép với tổng quy mô tuyển sinh/năm là 16.800 người (trong đó: trình độ cao đẳng 4.500 người; trình độ trung cấp khoảng: 7.200 người; trình độ sơ cấp: 5.100 người).

- Các trường trung cấp được cấp phép với tổng với quy mô tuyển sinh/năm là: 22.800 người (trong đó: trình độ trung cấp: 7.800 người; trình độ sơ cấp: 15.000 người).

- Các Trung tâm GDNN được cấp phép với tổng với quy mô tuyển sinh/năm trình độ sơ cấp là: 14.900 người.

- Các Trung tâm GDNN-GDTEX công lập được cấp phép với tổng quy mô tuyển sinh/năm trình độ sơ cấp là: 310 người.

- Doanh nghiệp và các loại hình đơn vị khác được cấp phép với tổng quy mô tuyển sinh/năm là 5.390 người trình độ sơ cấp.

5. Về ngành, nghề đào tạo

Các cơ sở GDNN đang tuyển sinh và đào tạo 35 mã ngành, nghề cao đẳng¹; 49 mã ngành, nghề trung cấp². Toàn tỉnh có 09 cơ sở GDNN được Bộ Lao động

¹ 35 mã ngành, nghề cao đẳng, gồm: Điện công nghiệp, Hàn, Điện tử công nghiệp, Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp, Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí, Cắt gọt kim loại, Công nghệ ô tô, Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm), Quản trị mạng máy tính, Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính, Kế toán doanh nghiệp, Kế toán, Quản trị kinh doanh, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ, Công tác xã hội, Quản lý đất đai, Khai thác đánh bắt hải sản, Khai thác máy tàu thủy, Quản lý khai thác công trình thủy lợi, Lâm nghiệp, Khoa học cây trồng, Bảo vệ thực vật, Chăn nuôi, Dịch vụ thú y, Lâm nghiệp đô thị, Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật hình ảnh y học, Dược, Kỹ thuật phục hành răng, Dinh dưỡng, Kỹ thuật phục hồi chức năng, Y sỹ.

- Thương binh và Xã hội phê duyệt đầu tư nghề trọng điểm giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025 với 15 ngành nghề trọng điểm ở 03 cấp độ: cấp độ quốc tế (01 nghề), cấp độ ASEAN (03 nghề) và cấp độ quốc gia (11 nghề).

6. Về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý

Chất lượng đội ngũ nhà giáo các cơ sở GDNN cơ bản đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, ngày càng được nâng cao. Tổng số nhà giáo GDNN hiện nay là 1.675 người, trong đó tiến sỹ 21 người (1,25%); thạc sỹ 375 người (22,38%); đại học 882 người (52,65%), cao đẳng 155 người (9,25%); trung cấp 242 người (14,44%). Số nhà giáo giảng dạy ở trường cao đẳng là 827 người, trường trung cấp là 524 người, trung tâm GDNN là 122 người, cơ sở khác có đăng ký hoạt động GDNN là 202 người.

(Biểu số 02 kèm theo).

Hệ thống các cơ sở GDNN của tỉnh ngày càng lớn mạnh, đội ngũ nhà giáo luôn giữ vững bản lĩnh chính trị, ý thức được vai trò sứ mệnh lịch sử của mình là góp phần đào tạo nguồn lao động có kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp ở các cấp trình độ khác nhau, có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, có ý thức, tác phong công nghiệp, có sức khỏe, có năng lực ngoại ngữ, có tri thức xã hội,... đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế - xã hội.

Để hoàn thiện và nâng cao tiêu chuẩn của đội ngũ nhà giáo, hàng năm, các đơn vị hoạt động GDNN đã tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho nhà giáo thông qua nhiều hình thức như: Tham gia các chương trình tập huấn, bồi dưỡng của cấp trên tổ chức; Phối hợp với doanh nghiệp cử giáo viên tham gia các khóa tập huấn, cập nhật công nghệ, kỹ thuật, thiết bị hiện đại; Bồi dưỡng, nâng cao tay nghề của đội ngũ nhà giáo; Liên kết với các trường nước ngoài để trao đổi, cử giáo viên tham gia học tập, nâng cao tay nghề,... Các đơn vị hoạt động GDNN đã chủ động, tích cực trong việc thu hút những chuyên gia, nghệ nhân, người có tay nghề cao tham gia đào tạo nghề nhằm tận dụng những kinh nghiệm, kiến thức và kỹ năng của họ để truyền đạt, giảng dạy cho học sinh, sinh viên.

7. Về phát triển chương trình đào tạo

Trong những năm gần đây, việc đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp đào tạo trong các đơn vị hoạt động GDNN được quan tâm triển khai, thực

² 49 mã ngành, nghề trung cấp, gồm: Điện công nghiệp, Điện tử công nghiệp, Điện dân dụng, Điện công nghiệp và dân dụng, Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh, Vận hành máy thi công nền, Hàn, Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí, Cắt gọt kim loại, Công nghệ ô tô, Công nghệ thông tin, Quản trị mạng máy tính, Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính, May thời trang, Sửa chữa thiết bị may, Điện - Nước, Cấp thoát nước, Cốt thép-Hàn, Bê tông, Mộc xây dựng và trang trí nội thất, Cốp pha - Giàn giáo, Kỹ thuật xây dựng, Nền hoàn thiện, Khai thác đánh bắt hải sản, Khai thác máy tàu thủy, Kế toán doanh nghiệp, Quản lý khai thác công trình thủy lợi, Sửa chữa máy công cụ, Điều khiển tàu biển, Chế biến và bảo quản thủy sản, Nuôi trồng thủy sản nước mặn, nước lợ, Thú y, Lâm nghiệp, Lâm sinh, Trồng trọt và bảo vệ thực vật, Chăn nuôi - Thú y, Chăn nuôi gia súc, gia cầm, Dược, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Điều dưỡng, Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn, Quản lý và bán hàng siêu thị, Kinh doanh xăng dầu và khí đốt, Kinh doanh thương mại và dịch vụ, Quản lý doanh nghiệp, Kỹ thuật chế biến món ăn, Hội họa, Thanh nhạc, Biểu diễn phương tây.

hiện theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực; tích hợp kiến thức, kỹ năng; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học vào thực hành tay nghề; tăng thời lượng thực hành nhằm phát huy tối đa kỹ năng nghề nghiệp cho người học. Đa dạng hóa những phương thức và chương trình đào tạo nhân lực có tay nghề cao.

Hàng năm, các đơn vị hoạt động GDNN đều cập nhật và điều chỉnh chương đào tạo theo quy định, trong đó, đảm bảo theo chuẩn đầu ra và tăng cường thời lượng thực hành cho người học nhằm đảm bảo đào tạo theo xu thế, nhu cầu của doanh nghiệp, của thị trường lao động; đồng thời, gắn với giải quyết việc làm cho người học.

Các đơn vị hoạt động GDNN đã chủ động mời các chuyên gia, kỹ thuật viên có thâm niên công tác tại những doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp lớn tham gia vào quá trình đào tạo nghề như: đóng góp, xây dựng chương trình đào tạo, giảng dạy, đánh giá người học và đưa học sinh đến thực hành, thực tập trực tiếp tại các doanh nghiệp. Có chuyên viên trong đội ngũ cán bộ hình thức, phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo, bảo đảm trung thực, khách quan, tăng cường thi, kiểm tra theo hình thức trắc nghiệm khách quan, thực hành tại xưởng, doanh nghiệp, ra đề thi, kiểm tra theo hướng chú trọng đánh giá việc hiểu, vận dụng kiến thức, kỹ năng vào giải quyết các vấn đề trong học tập và thực tiễn; đánh giá sự trưởng thành về phẩm chất và năng lực của người học; đổi mới thi và thực tập tốt nghiệp theo hướng đánh giá năng lực, kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp của sinh viên.

8. Kết quả hoạt động

Giai đoạn 2020-2025, các cơ sở GDNN và các doanh nghiệp trong tỉnh tuyển sinh đào tạo, kèm cấp truyền nghề khoảng 504.512 người, trong đó trình độ cao đẳng 18.430 người, trình độ trung cấp 52.680 người, sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng 433.402 người, tỷ lệ ra trường có việc làm bình quân đạt 80%, có những nghề đạt 100% (Hàn, May, Kỹ thuật chế biến món ăn, Nghiệp vụ nhà hàng, Điện công nghiệp,...), trong đó tỷ lệ tốt nghiệp có việc làm đúng ngành, nghề đào tạo khoảng 70% (bằng mặt bằng chung cả nước).

Kết quả tuyển sinh, tốt nghiệp và giải quyết việc làm góp phần đưa tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng hàng năm, đạt từ 73% năm 2023 lên 75% năm 2025 (tăng 2%). Trong đó tỷ lệ lao động có bằng cấp chứng chỉ tăng từ 27% năm 2023 lên 30% năm 2025 (tăng 3%).

(Biểu số 03 kèm theo).

Hệ thống, quy mô cơ sở GDNN từng bước được sắp xếp, củng cố và phát triển hợp lý đáp ứng yêu cầu đào tạo nhân lực có tay nghề cao trong giai đoạn mới. Chất lượng đào tạo nhân lực có tay nghề cao được nâng lên góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh. Cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp được đầu tư, nâng cấp và từng bước hiện đại. Nội dung,

chương trình đào tạo được đổi mới cập nhật của thị trường lao động; phương thức đào tạo đang chuyển đổi theo hướng tích lũy mô đun, tín chỉ, chú trọng vào phát triển những kỹ năng thiết yếu cho người lao động. Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực GDNN trên địa bàn tỉnh có sự chuyên biến tích cực; kêu gọi được đầu tư lĩnh vực GDNN.

II. THỰC TRẠNG LAO ĐỘNG VIỆC LÀM

1. Quy mô, cơ cấu và đặc điểm lao động

Năm 2025, dân số của tỉnh khoảng 4,3 triệu người; dân số trong độ tuổi lao động trên 2,216 triệu người. Lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế là 2,103 triệu người: trong đó, lao động làm việc trong ngành Nông - lâm - ngư nghiệp là 620,4 nghìn người (chiếm 29,5%); trong ngành Công nghiệp - xây dựng là 885,4 nghìn người (chiếm 42,1%), trong ngành Dịch vụ là 597,3 (chiếm 28,4%) (*Biểu số 04 kèm theo*); tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị là 2,5%; tỷ lệ thiếu việc làm ở khu vực nông thôn là 5,5%; tỷ lệ lao động qua đào tạo là 75%, trong đó tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ là 30%.

Lao động phổ thông: Lực lượng lao động phổ thông chiếm tỷ lệ lớn trong tỉnh, đặc biệt trong các ngành nông nghiệp và các công trình xây dựng. Đây là nguồn lao động chủ yếu trong các ngành như sản xuất nông sản, khai thác tài nguyên và xây dựng cơ sở hạ tầng.

Lao động có tay nghề: Thanh Hóa có một lượng lao động có tay nghề khá lớn, chủ yếu trong các ngành công nghiệp chế biến, dệt may, và các công trình xây dựng. Tuy nhiên, nhu cầu về lao động có tay nghề cao, đặc biệt là trong các ngành công nghiệp công nghệ cao, đang gia tăng.

Lao động có trình độ học vấn cao: Thanh Hóa cũng có một số lượng lao động với trình độ học vấn cao, chủ yếu là những người đã qua đào tạo đại học, cao đẳng, và các chương trình đào tạo nghề, chủ yếu làm việc trong các lĩnh vực như giáo dục, y tế, tài chính và các công ty công nghệ.

Di cư lao động: Một đặc điểm nổi bật trong thị trường lao động của Thanh Hóa là sự di cư lao động từ các vùng nông thôn vào thành thị, đặc biệt là vào các khu công nghiệp. Di cư lao động giúp đáp ứng nhu cầu lao động tại các khu công nghiệp và thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp, xây dựng và dịch vụ.

2. Cơ cấu lao động theo ngành

Trong những năm gần đây, cơ cấu lao động tại Thanh Hóa có sự thay đổi rõ rệt, đặc biệt là sự chuyển dịch từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ. Mặc dù nông nghiệp vẫn là ngành chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu lao động, nhưng số lượng lao động trong ngành công nghiệp và dịch vụ đang tăng lên. Sự phát triển của các khu công nghiệp, đặc biệt là trong các ngành chế biến, dệt may và xây dựng, đã thu hút nhiều lao động vào làm việc trong các lĩnh vực này.

Các ngành có nhu cầu lao động lớn:

Nông nghiệp: Mặc dù đang giảm dần, nông nghiệp vẫn là ngành chiếm tỷ lệ lao động cao ở Thanh Hóa, với các công việc liên quan đến sản xuất nông sản, trồng trọt, thu hoạch và chế biến.

Công nghiệp chế biến: Các ngành chế biến thực phẩm, sản xuất vật liệu xây dựng, dệt may đang có nhu cầu lao động lớn, với các công việc liên quan đến sản xuất, lắp ráp và kiểm tra chất lượng.

Xây dựng: Ngành xây dựng, đặc biệt là các công trình cơ sở hạ tầng và khu công nghiệp, yêu cầu một lượng lớn lao động phổ thông và lao động có tay nghề trong các công đoạn thi công, lắp đặt và hoàn thiện.

Du lịch: Với sự phát triển mạnh mẽ của ngành du lịch, nhu cầu lao động trong các dịch vụ du lịch như khách sạn, nhà hàng và hướng dẫn viên du lịch cũng tăng cao.

Dịch vụ: Các ngành dịch vụ như tài chính, ngân hàng, giáo dục, y tế cũng đang phát triển, tạo ra nhu cầu lao động có trình độ học vấn cao và kỹ năng chuyên môn.

3. Một số kết quả đạt được

Giai đoạn 2021-2025, toàn tỉnh đã tạo việc làm cho trên 376.030 lao động (năm 2021 là 67.190 người, năm 2022 là 59.850 người, năm 2023 là 62.850 người; năm 2024 là 62.350 người, năm 2025 là 61.680 người); trong đó: đưa đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng là 67.441 lao động (năm 2021 là 6.030 người, năm 2022 là 14.083 người, năm 2023 là 15.129 người; năm 2024 là 14.871 người, năm 2025 là 11.610 người).

Tính đến hết năm 2025, trên địa bàn tỉnh có 21.500 doanh nghiệp. Trong đó có 28 doanh nghiệp nhà nước, 21.324 doanh nghiệp dân doanh và 148 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Số lao động làm việc trong doanh nghiệp khoảng 479.266 người, trong đó doanh nghiệp nhà nước là 13.660 người, doanh nghiệp dân doanh là 212.320 người, doanh nghiệp FDI là 253.286 người.

Quy mô lao động của tỉnh năm 2025 là 2.103.000 người; tăng trưởng lao động bình quân của tỉnh giai đoạn 2021-2025 là trên 15.700 lao động/năm. Cơ cấu lao động chuyển dịch theo hướng tích cực, tỷ lệ lao động làm việc trong ngành Nông - lâm - ngư nghiệp giảm 10,4% (từ 39,9% xuống 29,5%); Công nghiệp - xây dựng tăng 7,3% (từ 34,8% lên 42,1%) và Dịch vụ tăng 3,1% (từ 25,3% lên 28,4%).

Giảm tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị từ 3,1% xuống 2,5% và giảm tỷ lệ thiếu việc làm ở khu vực nông thôn từ 6,1 xuống 5,5%.

Trong những năm qua, Thanh Hóa luôn là một trong những tỉnh dẫn đầu cả nước về số lượng người đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (chiếm 1/10 cả nước). Hiện nay, tổng số lao động của tỉnh đang làm việc có thời hạn ở nước ngoài gần 45.000 lao động. Tập trung chủ yếu ở các thị trường: Nhật Bản (17.000 lao động), Đài Loan (15.000 lao động), Hàn Quốc (9.000 lao động); các nước khác (4.000 lao động). Hàng năm số tiền người lao động tỉnh Thanh Hóa

đi làm việc ở nước ngoài gửi về gia đình ước khoảng 345 triệu USD tương đương 8.700 tỷ VNĐ đã tạo điều kiện cho các hộ gia đình có con em đi làm việc ở nước ngoài thoát nghèo và vươn lên làm giàu. Nhiều địa phương có phong trào đi làm việc ở nước ngoài đã làm thay đổi diện mạo, góp phần vào công cuộc xây dựng nông thôn mới. Các hộ gia đình có con em đi làm việc ở nước ngoài gửi tiền về đã đầu tư vào sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, làm trang trại... giải quyết thêm nhiều việc làm mới.

Giai đoạn 2021 - 2025, trung bình hàng năm có khoảng 70.000 người và hơn 354 doanh nghiệp được tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật lao động trực tiếp thông qua tập huấn, hội nghị đối thoại, cấp phát tài liệu, ấn phẩm. 100% người lao động tại trong các doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động còn được tuyên truyền thường xuyên thông qua hệ thống loa phát thanh của doanh nghiệp.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

- Công tác GDNN và giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh đã có những bước phát triển mạnh, số lao động qua đào tạo nghề tăng dần qua từng năm, cơ cấu ngành nghề đa dạng, chất lượng GDNN có chuyển biến tích cực, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của thị trường lao động, giúp người học nghề có thêm nhiều cơ hội về việc làm hoặc nâng cao thu nhập sau khi tốt nghiệp, góp phần quan trọng phát triển kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; tỷ lệ có việc làm sau đào tạo nghề đạt khoảng 80%.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo trong các cơ sở GDNN được đầu tư, nâng cấp và từng bước hiện đại. Nội dung, chương trình đào tạo được đổi mới cập nhật của thị trường lao động; phương thức đào tạo đang chuyển đổi theo hướng tích lũy mô đun, tín chỉ, chú trọng vào phát triển những kỹ năng thiết yếu cho người lao động. Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực GDNN trên địa bàn tỉnh có sự chuyển biến tích cực; kêu gọi được đầu tư lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp (thành lập 01 trung tâm GDNN 100% vốn nước ngoài).

- Các đơn vị hoạt động GDNN đã chủ động tập trung mọi nguồn lực, tìm mọi biện pháp, không ngừng đổi mới nhằm đẩy mạnh công tác tuyển sinh và nâng cao chất lượng đào tạo nghề, bắt kịp xu thế và sự thay đổi của xã hội. Tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng lên hàng năm, trình độ kỹ năng tay nghề của học sinh, sinh viên tốt nghiệp các cơ sở GDNN được nâng lên. Năm 2021, tại Hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp toàn quốc Thanh Hóa có 12 nhà giáo tham gia. Kết quả: 01 nhà giáo đạt giải Nhất, 02 nhà giáo đạt giải Ba, 09 nhà giáo đạt giải Khuyến khích. Năm 2022, tại Hội thi thiết bị đào tạo tự làm cấp quốc gia Thanh Hóa có 05 thiết bị đạt giải, trong đó: 01 giải Nhì, 01 giải Ba, 03 giải Khuyến khích. Năm 2024, tại Hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp toàn quốc Thanh Hóa có 14 nhà giáo tham gia. Kết quả: 01 nhà giáo đạt giải Nhì; 04 nhà giáo đạt giải Ba và 05 nhà giáo đạt giải Khuyến khích.

- Việc phối hợp với doanh nghiệp trong công tác đào tạo, bố trí thực tập và giải quyết việc làm sau tốt nghiệp được triển khai mạnh, tạo sự gắn kết giữa doanh nghiệp với cơ sở đào tạo, chất lượng đào tạo với nhu cầu của thị trường lao động, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, tiến tới đáp ứng nhu cầu số lượng và chất lượng nhân lực cho phát triển kinh tế tư nhân.

- Về cơ bản, đội ngũ nhà giáo trong các cơ sở GDNN có bằng cấp chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm đều đạt chuẩn theo quy định. Các cơ sở GDNN đã thu hút những chuyên gia, nghệ nhân, người có tay nghề cao tham gia đào tạo nghề nhằm tận dụng những kinh nghiệm, kiến thức và kỹ năng của họ để truyền đạt, giảng dạy cho học sinh, sinh viên. Hoạt động này trong những năm gần đây chủ yếu là sự thỏa thuận giữa các cơ sở GDNN với các cá nhân và tổ chức quản lý của đội ngũ chuyên gia và nghệ nhân về thù lao cũng như chi phí giảng dạy.

2. Tồn tại, hạn chế

- Công tác truyền thông chính sách phát triển GDNN theo chủ trương của Chính phủ và tỉnh Thanh Hóa chưa làm thay đổi nhiều nhận thức, quan điểm coi trọng bằng cấp của một bộ phận phụ huynh học sinh, từ đó dẫn đến việc định hướng nghề nghiệp cho học sinh từ bậc phổ thông còn hạn chế. Đa số học sinh sau khi tốt nghiệp THPT đều đặt mục tiêu vào đại học, không muốn đi học nghề; Cơ cấu đào tạo giáo dục nghề nghiệp chủ yếu vẫn là trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng (chiếm khoảng 80%), trình độ trung cấp, cao đẳng chiếm tỷ lệ thấp (khoảng 20%).

- Việc đào tạo nhân lực cho thị trường lao động của tỉnh tuy đạt về số lượng nhưng chất lượng còn hạn chế. Chất lượng đào tạo của một số ngành, nghề chưa đáp ứng được yêu cầu, các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp phả đào tạo lại khi sử dụng. Cơ cấu trình độ, ngành nghề đào tạo chưa phù hợp với nhu cầu sử dụng; đào tạo chưa gắn với nhu cầu xã hội, sự gắn kết giữa đào tạo với thị trường lao động và sự tham gia của doanh nghiệp còn hạn chế; hoạt động đào tạo chủ yếu dựa trên khả năng thực tế của các cơ sở đào tạo, chưa theo sát được yêu cầu của thị trường lao động và doanh nghiệp; còn nhiều học sinh, sinh viên tốt nghiệp chưa tìm được việc làm; nhiều người còn phải làm trái ngành, nghề đào tạo gây lãng phí nguồn lực cho gia đình và xã hội.

- Năng lực đào tạo của các cơ sở GDNN còn hạn chế; cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo chưa đáp ứng được yêu cầu; một số cơ sở GDNN sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị đã được đầu tư chưa hiệu quả, còn lãng phí; nội dung, chương trình đào tạo chậm đổi mới, chưa thực sự gắn với thực tiễn sản xuất; nhiều cơ sở đào tạo chưa phát huy được vai trò đào tạo nghề cho lực lượng lao động tại chỗ; việc đào tạo kỹ năng mềm (ngoại ngữ, tin học, tác phong nghề nghiệp, kỹ năng ứng xử trong công việc,...) chưa được quan tâm đào tạo cho người học.

- Giáo viên, giảng viên tham gia đào tạo nhân lực có tay nghề cao còn nhiều hạn chế về khả năng, trình độ; số lượng còn thiếu so với yêu cầu.

- Lực lượng lao động lành nghề, lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, các chuyên gia đầu ngành còn thiếu, chưa đáp ứng nhu cầu lao động phục vụ phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, nhất là các ngành kinh tế mũi nhọn, như lọc hóa dầu, nhiệt điện, công nghệ thông tin, chế biến chế tạo, tự động hóa. Việc kiểm định chất lượng giáo dục chưa được các cơ sở GDNN chưa được chú trọng đúng mức; kết quả tự kiểm định của một số cơ sở GDNN chưa phản ánh đúng chất lượng đào tạo, tài liệu minh chứng kết quả kiểm định không đầy đủ.

- Công tác tổ chức đào tạo, bố trí học sinh học nghề đi thực tập thực tế tại doanh nghiệp còn hạn chế đối với đối tượng là học sinh tốt nghiệp cấp trung học cơ sở đang tham gia học nghề trình độ trung cấp kết hợp học văn hóa chương trình giáo dục thường xuyên cấp THPT. Đặc biệt là học sinh học tại các trung tâm GDNN-GDTX vừa học văn hóa kết hợp học nghề.

- Sự gắn kết giữa cơ sở GDNN và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đã đạt được những kết quả nhất định, tuy nhiên chưa bền vững. Chưa có quy định cụ thể về trách nhiệm của doanh nghiệp chỉ được sử dụng, tuyển dụng lao động phải qua đào tạo nghề nghiệp ở tất cả các lĩnh vực lao động trong khi đó thực tế có nhiều doanh nghiệp chủ yếu tuyển dụng lao động phổ thông và tự đào tạo kỹ năng cụ thể theo yêu cầu vị trí công việc, bởi vậy việc tháo gỡ công tác tuyển sinh đào tạo nghề theo nhu cầu của doanh nghiệp đối với các cơ sở GDNN rất khó khăn, nhất là trình độ trung cấp, cao đẳng.

3. Nguyên nhân

- Công tác phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp cấp THCS và cấp THPT tham gia học nghề trình độ trung cấp, cao đẳng vẫn còn hạn chế. Việc tư vấn hướng nghiệp, phân luồng cho học sinh tại các trường THCS, THPT gặp phải nhiều bất cập do nhu cầu và mong muốn của đa số các gia đình và học sinh lựa chọn vào đại học. Bên cạnh đó, để thay đổi tâm lý coi trọng bằng cấp, lựa chọn học nghề của đại đa số người dân và học sinh trong thời gian ngắn không phải dễ thay đổi. Cùng với thực trạng này, các trường đại học có chỉ tiêu tuyển sinh ngày càng tăng, tiêu chuẩn đầu vào thấp,... cũng là một trong các nguyên nhân khiến cho học sinh chưa thực sự mặn mà đăng ký tham gia bậc học giáo dục nghề nghiệp.

- Đội ngũ nhà giáo của một số cơ sở GDNN còn thiếu về số lượng, hạn chế về chất lượng; một bộ phận đội ngũ nhà giáo và quản lý GDNN còn có những hạn chế nhất định về trình độ, kỹ năng nghề và năng lực ngoại ngữ. Nhiều cơ sở giáo dục nghề nghiệp chưa có điều kiện để đưa giáo viên đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực nghề nghiệp tại các cơ sở đào tạo uy tín, chất lượng ở trong và ngoài nước; chưa có chính sách thu hút giáo viên, giảng viên có trình độ cao, tay nghề giỏi tham gia giảng dạy tại các cơ sở GDNN.

- Chưa xác định được cơ chế hợp tác hiệu quả, bền vững giữa nhà trường với doanh nghiệp, giữa Nhà nước với doanh nghiệp nên việc phối hợp đào tạo nghề trình độ trung cấp, cao đẳng cho lao động theo nhu cầu của doanh nghiệp

chưa được doanh nghiệp quan tâm đúng mức, mặt khác do thời gian đào tạo khá dài (từ 02 năm đến 03 năm) làm ảnh hưởng đến quá trình hoạt động sản xuất của doanh nghiệp.

- Do đặc thù lĩnh vực GDNN nên việc đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo rất tốn kém, đặc biệt phải liên tục cập nhật trang thiết bị, công nghệ mới, hiện đại, phù hợp và đáp ứng với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp và thị trường lao động. Vì vậy việc đầu tư cơ sở vật chất đối với nhiều trường trung cấp, cao đẳng còn chưa được triển khai kịp thời, đặc biệt đối với các trường công lập khi sử dụng nguồn từ ngân sách tỉnh. Công tác dự báo xu hướng ngành, nghề đào tạo còn chưa theo kịp yêu cầu của hội nhập và của xã hội.

Phần thứ ba

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP, KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP GẮN VỚI GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIAI ĐOẠN 2026-2030

I. QUAN ĐIỂM

1. Phát triển GDNN gắn với giải quyết việc làm lấy con người làm trung tâm, chú trọng đào tạo kỹ năng thực tế, đáp ứng nhu cầu thị trường, đặc biệt tại các vùng khó khăn. Mục tiêu nhằm giảm nghèo bền vững, nâng cao thu nhập, chuyển dịch cơ cấu lao động và kết nối chặt chẽ giữa đào tạo với nhu cầu tuyển dụng.

2. Phát triển GDNN gắn với giải quyết việc làm giữ vai trò then chốt trong phát triển lực lượng lao động kỹ năng cao.

3. Phát triển GDNN theo hướng mở, linh hoạt, hiện đại, hiệu quả, hội nhập, chú trọng cả quy mô, cơ cấu, chất lượng đào tạo; quan tâm đầu tư, đẩy mạnh hợp tác quốc tế để phát triển một số cơ sở GDNN, ngành, nghề đào tạo đạt trình độ tương đương với khu vực và thế giới.

4. Phát triển GDNN bám sát nhu cầu của thị trường lao động gắn kết với việc làm thỏa đáng, an sinh xã hội và phát triển bền vững, bao trùm; phát huy tối đa năng lực, phẩm chất của người học; thúc đẩy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

5. Phát triển GDNN trong mối quan hệ gắn bó chặt chẽ với giáo dục phổ thông, GDTX và giáo dục đại học để làm tốt chủ trương phân luồng, xây dựng xã hội học tập liên tục và suốt đời của công dân Việt Nam.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển GDNN gắn với giải quyết việc làm là đào tạo nhân lực trực tiếp có tay nghề, đạo đức và sức khỏe, đáp ứng nhu cầu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, hướng tới nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo việc làm bền vững, chuyển dịch cơ cấu lao động và giảm nghèo, đặc biệt tại các vùng khó khăn.

Tập trung tầm nhìn hướng tới xây dựng các trường cao đẳng là hạt nhân

dẫn dắt trong đào tạo các ngành nghề mới, các ngành nghề cần sự đầu tư lớn, tính chất chiến lược, các ngành nghề mà nhu cầu thị trường cần lao động có chất lượng cao.

2. Mục tiêu giai đoạn 2026-2030

- Trên 80% cơ sở GDNN đạt chuẩn quốc gia (đạt kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp); tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 80%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35%; tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng số lao động xã hội dưới 20%.

- Quy mô tuyển sinh đào tạo là 426.650 người, trong đó cao đẳng 32.000 người; trung cấp 61.650 người; sơ cấp 155.500 người; đào tạo dưới 3 tháng 177.500 người. Chuyển dịch cơ cấu lao động: Nông - lâm - ngư nghiệp xuống dưới 20%; Công nghiệp - xây dựng lên 43,5% và Dịch vụ lên 39,5%.

- Giảm tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị xuống dưới 2,5% và tỷ lệ thiếu việc làm ở khu vực nông thôn xuống dưới 5,5%.

- Đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho khoảng 50% lực lượng lao động.

- Tỷ lệ lao động là người dân tộc thiểu số qua đào tạo nghề nghiệp đạt 65%.

- Tỷ lệ lao động là người khuyết tật còn khả năng lao động được học nghề phù hợp đạt 40%.

- Tỷ lệ lao động có các kỹ năng công nghệ thông tin đạt 90%.

- Ít nhất 70% cơ sở GDNN và 100% chương trình đào tạo các ngành, nghề trọng điểm đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng.

- Khoảng 90% học sinh, sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo có việc làm, tự tạo việc làm; trong đó tỷ lệ tốt nghiệp có việc làm đúng ngành, nghề đào tạo khoảng 80%.

- Phần đầu 100% nhà giáo đạt chuẩn; khoảng 90% cán bộ quản lý được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng quản lý - quản trị hiện đại.

- Phần đầu khoảng 90% ngành, nghề đào tạo được xây dựng, cập nhật chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia.

- Phần đầu có từ 01 đến 02 trường đáp ứng đủ các tiêu chí và được công nhận là trường cao đẳng chất lượng cao, lựa chọn đào tạo một số ngành nghề trọng điểm. Trong đó có 01 trường cao đẳng thực hiện chức năng trung tâm vùng về đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy và hành động của hệ thống chính trị, người dân và xã hội về triển giáo dục nghề nghiệp gắn với giải quyết việc làm thiết thực, hiệu quả

- Tổ chức quán triệt, đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến sâu rộng về nội dung, nhiệm vụ, giải pháp và tình hình thực hiện các nội dung của Đề án liên

quan đến công tác đào tạo nhân lực có tay nghề cao; gắn đào tạo nghề với triển khai hiệu quả quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Đổi mới và đa dạng hóa các phương thức truyền thông về GDNN. Huy động sự tham gia tích cực của các cơ quan báo chí, truyền thông, hệ thống thông tin cơ sở, cổ động trực quan, các sở, ban, ngành, chính quyền cơ sở, các đơn vị hoạt động GDNN. Chú trọng thông tin, tuyên truyền trên các ấn phẩm, phương tiện truyền thông của các cơ quan báo chí chủ lực, có lượng độc giả lớn, hiệu ứng truyền thông cao; lan tỏa những thông tin tích cực, gương người tốt - việc tốt, điển hình tiên tiến, cách làm hay trong công tác GDNN của tỉnh trên các trang thông tin điện tử tổng hợp, mạng xã hội và các nền tảng số.

- Tổ chức đa dạng các chương trình, hoạt động, cuộc thi, tọa đàm, phóng sự, truyền hình, quảng cáo,...; mở rộng quy mô các hoạt động mang tính lan tỏa như: Tuyên dương, khen thưởng học sinh, sinh viên, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, nhà giáo, doanh nghiệp,...

- Thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ của Đề án.

2. Rà soát sắp xếp mạng lưới giáo dục nghề nghiệp đảm bảo tinh gọn, hiệu quả, chuẩn hóa, hiện đại hóa

Quán triệt và thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Đảng về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, đổi mới hệ thống tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các cơ sở giáo dục; bảo đảm các cơ sở giáo dục sau sắp xếp, tổ chức lại hoạt động tốt hơn, thông suốt; đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người học, viên chức, các đối tượng khác có liên quan theo quy định của pháp luật, qua đó nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ sở; nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước và tập trung đầu tư có trọng tâm, trọng điểm; tập trung đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; tăng cường phân cấp quản lý cơ sở giáo dục; đồng thời phù hợp với định hướng quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục trên địa bàn toàn quốc; thực hiện rà soát, sắp xếp các cơ sở giáo dục như sau:

(1) Sáp nhập Trường Đại học Văn hóa, Thể Thao và Du lịch Thanh Hóa vào Trường Đại học Hồng Đức.

(2) Sáp nhập Trường Cao đẳng nghề Nghi Sơn vào Trường Cao đẳng Công nghiệp Thanh Hóa.

(3) Sáp nhập Trường Trung cấp nghề Kỹ nghệ Thanh Hóa vào Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa.

(4) Chuyển đổi Trường Trung cấp nghề Thanh Thiếu niên, khuyết tật đặc biệt khó khăn Thanh Hóa thành cơ sở giáo dục chuyên biệt.

(5) Rà soát, sắp xếp các trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, các trường trung cấp nghề.

3. Cải cách, hiện đại hóa giáo dục nghề nghiệp, tạo đột phá phát triển nguồn nhân lực có kỹ năng nghề cao

- Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nêu trong Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 04/5/2023 của Ban Bí thư "Về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp"; Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Kế hoạch số 228-KH/TU ngày 20/9/2024 thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW của Ban Bí thư về đổi mới công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; Kế hoạch số 146-KH/TU ngày 05/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 04/5/2023 của Ban Bí thư; Chương trình hành động số 03-CT/TU ngày 04/11/2025 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị (khóa XIII) “về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo”.

- Dự báo nhu cầu nhân lực và ưu tiên bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước cho đào tạo nhân lực có kỹ năng nghề cao trong các ngành nghề kỹ thuật, công nghệ và phục vụ các chương trình, dự án chiến lược, trọng điểm của tỉnh và của quốc gia.

- Thực hiện hiệu quả Quy hoạch mạng lưới cơ sở GDNN thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 của cấp có thẩm quyền; tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng GDNN đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045.

- Triển khai cơ chế, chính sách thúc đẩy liên kết nhà trường - doanh nghiệp; khuyến khích doanh nghiệp thành lập cơ sở GDNN, thành lập quỹ đào tạo nhân lực, thúc đẩy đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng cho lực lượng lao động, nhất là đào tạo kỹ năng nghề trong các lĩnh vực công nghệ cao. Ưu tiên dành trụ sở cơ quan nhà nước dôi dư sau sắp xếp cho các cơ sở giáo dục; cho phép áp dụng hình thức cho thuê công trình thuộc sở hữu nhà nước đối với cơ sở giáo dục tư thục.

4. Triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách về đào tạo nghề cho người lao động trên địa bàn tỉnh gắn với thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026 - 2030

- Hằng năm, rà soát nhu cầu học nghề; xây dựng kế hoạch đào tạo gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; nhu cầu tuyển dụng, sử dụng lao động của doanh nghiệp, nhà máy đóng trên địa bàn.

- Tăng cường đặt hàng đối với các công ty, doanh nghiệp đóng trên địa bàn để tổ chức đào tạo nghề cho người lao động khi triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030.

- Hướng dẫn chính sách miễn, giảm, cấp bù học phí học nghề trình độ trung cấp, cao đẳng; quy định đối tượng, mức hỗ trợ chi phí đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng cho người lao động có nhu cầu học nghề trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa theo các Nghị định của Chính phủ và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa: Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Nghị quyết số

25/2024/NQ-HĐND ngày 31/5/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định đối tượng, mức hỗ trợ chi phí đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Nghị quyết số 52/2024/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa,...

5. Đẩy mạnh công tác tuyển sinh và nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo nghề cho người lao động gắn với giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tư vấn, hướng nghiệp; quan tâm đào tạo nghề cho học sinh khu vực nông thôn tốt nghiệp trung học cơ sở chuyển sang học nghề, kết hợp học văn hoá phổ thông để nâng cao kiến thức văn hoá và kỹ năng nghề cho học sinh trước khi tham gia thị trường lao động.

- Chủ động, thường xuyên cập nhật nghề, kiểm định chất lượng chương trình đào tạo; chú trọng thực hành và tăng cường ứng dụng khoa học - công nghệ, chuyển đổi số trong tất cả các khâu của quá trình đào tạo; tăng cường giáo dục đạo đức nghề nghiệp, kiến thức về an toàn vệ sinh lao động, pháp luật, kinh doanh, khởi nghiệp, các kỹ năng mềm và đổi mới sáng tạo cho người lao động đáp ứng yêu cầu tuyển dụng và sử dụng của doanh nghiệp.

- Tăng cường gắn kết chặt chẽ 03 “Nhà”: Nhà nước - Nhà trường - Nhà doanh nghiệp trong các hoạt động đào tạo, giáo dục nghề nghiệp; khuyến khích các doanh nghiệp tuyển dụng, sử dụng, trả tiền lương, tiền công cho người lao động dựa trên kỹ năng và năng lực tay nghề, lao động đã qua đào tạo hoặc có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia theo quy định của pháp luật.

- Đẩy nhanh lộ trình phổ cập nghề cho thanh niên, công nhân, nông dân và người lao động thông qua các hình thức hỗ trợ phù hợp. Tôn vinh người lao động có kỹ năng, tay nghề cao; ưu tiên đào tạo nghề cho thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên xung phong, người khuyết tật và các đối tượng yếu thế. Phát triển GDNN ở nông thôn, vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo.

- Tiếp tục đổi mới việc giao nhiệm vụ đào tạo nghề cho các cơ sở GDNN, các cơ sở khác có tham gia hoạt động GDNN; đẩy mạnh đào tạo nghề gắn với phương thức sản xuất tiên tiến, hiện đại của doanh nghiệp đóng trên địa bàn.

6. Ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao hiệu quả công tác đào tạo nghề cho người lao động, đáp ứng yêu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp

- Tăng cường chuyển đổi số trong các cơ sở GDNN theo quy định của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 2222/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 Phê duyệt Chương trình chuyển đổi số trong GDNN đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Xây dựng các nền tảng số có khả năng triển khai dùng chung và hỗ trợ dạy học trực tuyến. Đầu tư nâng cấp các phòng thí nghiệm, xưởng thực hành ảo, thiết bị ảo, thiết bị tăng cường ở những ngành, nghề phù hợp.

- Xây dựng các chương trình đào tạo ở tất cả các trình độ, ngành nghề đào tạo cho người lao động và đẩy mạnh chuyển đổi số trong tất cả các khâu của quá trình đào tạo để nâng cao chất lượng đào tạo (thiết kế, kỹ thuật, công nghệ, quản lý, phát triển sản phẩm) theo tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc tế nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của cách mạng công nghệ 4.0; nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp.

7. Bố trí nguồn lực, các điều kiện nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục nghề nghiệp gắn với giải quyết việc làm

- Đầu tư đồng bộ cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo từ nguồn kinh phí các Chương trình mục tiêu quốc gia, ngân sách tỉnh cho các trường cao đẳng, trung cấp, trung học nghề, trung tâm GDNN-GDTX công lập để cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị đào tạo,...; ưu tiên một số cơ sở GDNN công lập thuộc tỉnh được lựa chọn ngành nghề trọng điểm để đầu tư đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo chu kỳ (05 năm) và trường chất lượng cao của cả nước, trong đó có trường thực hiện chức năng trung tâm vùng đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao, trường tiếp cận trình độ các nước Asean-4 phù hợp với chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 tại Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 146-KH/TU ngày 05/7/2023 của Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 04/5/2023 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Khuyến khích khu vực tư nhân tham gia tham gia phát triển cơ sở đào tạo nghề cho người lao động; tăng cường cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp gắn với giải quyết việc làm để nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo nghề đáp ứng nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp.

8. Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo giáo dục nghề nghiệp

- Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút đội ngũ nhà giáo có năng lực, trình độ, tay nghề cao vào giảng dạy tại các cơ sở GDNN.

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức mới để phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý GDNN có chất lượng tham gia đào tạo nghề cho người lao động phục vụ các doanh nghiệp, nhà máy.

- Huy động sự tham gia của các nhà khoa học, người sản xuất giỏi, lao động có tay nghề cao tham gia đào tạo nghề cho lao động phục vụ nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

9. Dự báo nhu cầu học nghề gắn với giải quyết việc làm bền vững

Nâng cao chất lượng dự báo ngắn hạn, trung hạn và dài hạn thông tin thị trường lao động, về nhu cầu nguồn nhân lực, nhu cầu việc làm và nhu cầu đào tạo theo lĩnh vực, ngành, nghề, cấp trình độ đào tạo, hình thành cơ sở dữ liệu về cung cầu lao động để các cơ sở GDNN xây dựng kế hoạch đào tạo phù hợp với nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp, tiếp tục phát triển và hoàn thiện các hình thức thông tin thị trường lao động để định hướng lựa chọn ngành nghề đào tạo và tìm kiếm việc làm.

10. Chuyển đổi mô hình hoạt động một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập

Chuyển đổi hoạt động một số cơ sở GDNN công lập đủ điều kiện sang cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm, hạch toán như doanh nghiệp; kiên quyết chuyển sang cơ chế tự đảm bảo hoàn toàn về tài chính, tổ chức nhân sự và thực hiện nhiệm vụ đào tạo những ngành, nghề có khả năng xã hội hóa cao trên cơ sở tính thực hiện lộ trình đảm bảo kinh phí hoạt động có thời hạn.

11. Hỗ trợ vay vốn tạo việc làm, đẩy mạnh đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

Triển khai có hiệu quả chính sách cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm; cho vay hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; chính sách việc làm công; hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động ở khu vực nông thôn, người lao động là thanh niên,...theo quy định tại Nghị định số 338/2025/NĐ-CP ngày 25/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về chính sách hỗ trợ tạo việc làm.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Kinh phí thực hiện trong Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030, các Chương trình, Đề án khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

2. Nguồn ngân sách tỉnh; nguồn huy động khác cho các hoạt động phát triển giáo dục nghề nghiệp gắn với giải quyết việc làm theo quy định của pháp luật.

3. Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2025.

Phần thứ tư TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Đề án; hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, giám sát, đánh giá việc triển khai Đề án; sơ kết, tổng kết thực hiện Đề án theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát, tham mưu UBND tỉnh ban hành, sửa đổi, bổ sung: Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp; định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí, đơn giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực GDNN thuộc phạm vi quản lý của tỉnh làm cơ sở đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, góp phần chuyển đơn vị sự nghiệp công lập sang tự chủ tài chính; tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng, tài sản trang thiết bị chuyên dùng của các trường trung cấp trực thuộc.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh xây dựng Đề án rà soát, sắp xếp các cơ sở GDNN đảm bảo tinh gọn, hiệu quả, chuẩn hóa, hiện đại hóa.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Chi nhánh Ngân hàng chính

sách xã hội tỉnh và các sở, ngành có liên quan rà soát số lượng lao động, nhu cầu vốn vay tạo việc làm hằng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt nhu cầu nguồn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội để cho vay.

- Hướng dẫn các cơ sở GDNN xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, đội ngũ nhà giáo đáp ứng nhu cầu công tác đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh hằng năm, 05 năm.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở GDNN tăng cường gắn kết chặt chẽ 03 “Nhà”: Nhà nước - Nhà trường - Nhà doanh nghiệp trong các hoạt động đào tạo, giáo dục nghề nghiệp; xây dựng chương trình, giáo trình; đổi mới phương pháp giảng dạy gắn với nhu cầu đào tạo thực tiễn.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan tham mưu phân bổ kinh phí từ Chương trình mục tiêu quốc gia, ngân sách tỉnh về lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp (nếu có) để sửa chữa, bảo dưỡng các công trình, mua sắm trang thiết bị đào tạo cho các cơ sở GDNN tham gia đào tạo nghề cho người lao động phục vụ các doanh nghiệp, nhà máy trên địa bàn tỉnh.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở GDNN tổ chức đào tạo các ngành, nghề trọng điểm của tỉnh gắn với nhu cầu thị trường lao động và phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tập trung đào tạo các trình độ trung cấp, cao đẳng đối với học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông sau phân luồng; chú trọng kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông và giáo dục nghề nghiệp cho đối tượng là học sinh trung học cơ sở sau phân luồng.

- Hướng dẫn việc triển khai kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu học sinh tốt nghiệp cấp THCS, THPT để các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tổ chức tư vấn hướng nghiệp, tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp.

- Chủ động cung cấp thông tin về các hoạt động triển khai và kết quả thực hiện Đề án cho các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, các cơ quan báo chí để phối hợp tuyên truyền.

2. Sở Tài chính

- Trên cơ sở đề xuất của các đơn vị, chủ trì tham mưu, báo cáo cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện các cơ chế, chính sách của tỉnh liên quan đến việc thực hiện Đề án; thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư các cơ sở GDNN trên địa bàn tỉnh theo quy định của Luật Đầu tư công; tổ chức bồi dưỡng kiến thức về khởi sự doanh nghiệp cho cá nhân có nhu cầu thành lập doanh nghiệp tại Thanh Hóa theo Nghị quyết số 214/2022/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, các sở, ngành có liên quan trình cấp có thẩm quyền bổ sung nguồn vốn ủy thác địa phương để cho vay tạo việc làm cho người lao động.

3. Sở Nội vụ

- Chủ trì hướng dẫn thực hiện việc bố trí đội ngũ viên chức, người lao động,

nhất là đội ngũ lãnh đạo, quản lý phù hợp, theo đúng quy định về phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức; quan tâm thực hiện chế độ, chính sách đối với viên chức, người lao động trong trường hợp tinh giản biên chế do sắp xếp.

- Chỉ đạo Trung tâm dịch vụ việc làm phối hợp với các đơn vị có liên quan cung cấp thông tin thị trường lao động; nhu cầu tuyển dụng và nguồn lao động. Tổ chức các sự kiện việc làm như hội chợ, ngày hội, giao lưu việc làm. Đào tạo nâng cao kỹ năng và nghiệp vụ cho người lao động. Hỗ trợ doanh nghiệp trong việc quản lý và sử dụng lao động.

- Hướng dẫn các cơ sở giáo dục nghề nghiệp xây dựng Đề án vị trí việc làm theo quy định, trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

- Hướng dẫn các doanh nghiệp; các cơ sở đào tạo nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh tiếp thu ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, triển khai ứng dụng các đề tài nghiên cứu khoa học nhằm góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, hạ giá thành và nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường; khuyến khích các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ trong sản xuất kinh doanh.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, các sở, ngành, đơn vị liên quan chỉ đạo hệ thống thông tin cơ sở tuyên truyền về nội dung, công tác triển khai và kết quả thực hiện Đề án. Qua đó, góp phần nâng cao nhận thức của xã hội về vai trò của việc học và đào tạo nghề trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết việc làm và đảm bảo an sinh xã hội.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo trong việc xây dựng, ban hành các văn bản chỉ đạo, đẩy mạnh triển khai các hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên môi trường số, tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ thông tin trong quản lý, hoạt động dạy học.

5. Sở Công Thương

Tham mưu bố trí kinh phí từ nguồn Khuyến công địa phương và Khuyến công quốc gia hàng năm để ưu tiên hỗ trợ cho các doanh nghiệp thực hiện công tác đào tạo nghề, nâng cao tay nghề; hỗ trợ đầu tư mua sắm máy móc, thiết bị tiên tiến, ứng dụng chuyển giao và đổi mới công nghệ trong sản xuất linh kiện, phụ tùng, nguyên liệu và vật liệu.

6. Sở Ngoại vụ

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế về phát triển giáo dục nghề nghiệp.

7. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo trong triển khai đào tạo nghề lĩnh vực sản xuất nông - lâm nghiệp - thủy sản,... trên địa bàn tỉnh;

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo rà soát, điều chỉnh, bổ sung quỹ đất giáo dục nghề nghiệp cho các đơn vị hoạt động giáo dục nghề nghiệp vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

8. Ngân hành chính sách xã hội tỉnh

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính, Sở Nội vụ và các sở, ngành có liên quan triển khai cho vay nguồn vốn ủy thác địa phương để cho vay tạo việc làm cho người lao động đúng đối tượng, đạt hiệu quả

- Hỗ trợ cơ sở sản xuất, kinh doanh như doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh và người lao động có nhu cầu vay vốn để tạo việc làm, tự tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo quy định tại Nghị định số 338/2025/NĐ-CP ngày 25/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về chính sách hỗ trợ tạo việc làm.

9. Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan cung cấp, thông tin nhu cầu sử dụng lao động tại các doanh nghiệp trên địa bàn Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp.

10. Báo và Phát thanh, Truyền hình Thanh Hóa

- Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, các địa phương và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp để xây dựng kế hoạch tuyên truyền về Đề án với nội dung, cách thức hấp dẫn nhằm nhân rộng các mô hình mới, cách làm hay, gương điển hình giúp cho người dân kịp thời nắm bắt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước mà tích cực định hướng nghề nghiệp cho con em tham gia.

- Thực hiện tuyên truyền về phát triển GDNN gắn với giải quyết việc làm; tăng cường thời lượng phát sóng, tăng số lượng, chất lượng tin, bài, chương trình phản ánh về hoạt động GDNN đến người dân trong tỉnh.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến các nhiệm vụ, giải pháp tại Đề án này để Nhân dân nhận thức rõ việc tham gia GDNN gắn với giải quyết việc làm là rất cần thiết, góp phần nâng cao nguồn nhân lực, chất lượng và hiệu quả của đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm, đảm bảo an sinh xã hội.

11. Đề nghị Tỉnh đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh

- Thực hiện tuyên truyền cho thanh niên về vị trí, vai trò của phát triển giáo dục nghề nghiệp gắn với giải quyết việc làm; tầm quan trọng của kỹ năng lao động và cơ hội có việc làm, thu nhập ổn định sau đào tạo nghề nghiệp.

- Hỗ trợ các hoạt động tư vấn tuyển sinh và công tác giới thiệu việc làm cho thanh niên là học sinh, sinh viên, học viên sau khi tốt nghiệp.

12. Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh

- Hằng năm, cung cấp thông tin về nhu cầu tuyển dụng, sử dụng lao động qua đào tạo các cấp trình độ; nhu cầu tự đào tạo nghề cho người lao động trước khi được tuyển dụng vào doanh nghiệp.

- Phối hợp với các cơ sở đào tạo nghề nghiệp xây dựng hoàn chỉnh bộ chương trình đào tạo nghề gắn với thực tiễn sản xuất, kinh doanh; phối hợp

tuyển sinh, đào tạo các cấp trình độ để cung cấp nguồn nhân lực có tay nghề phục vụ sản xuất.

- Thành lập quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp để đào tạo và phát triển kỹ năng cho người lao động của doanh nghiệp; hỗ trợ người lao động của doanh nghiệp học tập, nâng cao trình độ chuyên môn; tài trợ cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp có hợp tác với doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và quy định của pháp luật khác có liên quan.

- Kêu gọi cộng đồng doanh nghiệp, người sử dụng lao động tham gia tích cực vào việc hỗ trợ nâng cao kỹ năng nghề cho người lao động.

13. UBND các xã, phường

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người lao động về chủ trương, định hướng phát triển giáo dục nghề nghiệp gắn với giải quyết việc làm theo Đề án.

- Tổng hợp nhu cầu đào tạo nghề; xây dựng kế hoạch đào tạo nghề cho người lao động phục vụ các doanh nghiệp, nhà máy trên địa bàn.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đoàn thể hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn trong việc tuyển dụng, đào tạo, quản lý lao động. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về lao động và các chế độ bảo hiểm xã hội, an toàn lao động, an toàn giao thông khu vực xung quanh các nhà máy, xí nghiệp.

- Chủ động triển khai nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia được phân bổ; đồng thời huy động thêm nguồn vốn địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác để tổ chức đào tạo nghề cho người lao động trên địa bàn; chịu trách nhiệm về đối tượng học nghề, chất lượng, hiệu quả đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người lao động trên địa bàn.

14. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp

- Tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp theo nội dung Đề án nhằm đẩy mạnh công tác tuyển sinh, đào tạo, góp phần nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo và chất lượng công tác GDNN.

- Chủ động, thường xuyên cập nhật nghề mới và đổi mới chương trình theo nhu cầu thị trường; kiểm định chất lượng chương trình đào tạo; chú trọng thực hành và tăng cường ứng dụng khoa học - công nghệ, chuyển đổi số trong tất cả các khâu của quá trình đào tạo với phương châm “học tại trường thực hành tại doanh nghiệp”; tăng cường giáo dục đạo đức nghề nghiệp, kiến thức về an toàn vệ sinh lao động, pháp luật, kinh doanh, khởi nghiệp, các kỹ năng mềm và đổi mới sáng tạo cho người lao động.

- Chủ động xây dựng các mô hình “3 Nhà: Nhà nước - Nhà trường - Nhà doanh nghiệp”; mô hình gắn kết “2 Nhà và 1 Người: Nhà trường - Nhà doanh nghiệp và Người học”; mô hình gắn kết “2 Nhà trong 1: Nhà trường trong Nhà doanh nghiệp” giúp kết nối người học với nhà tuyển dụng nhằm bảo đảm cơ hội việc làm sau tốt nghiệp và cũng giúp kết nối trở lại giữa nhà doanh nghiệp với

nhà trường trong đào tạo liên tục và đào tạo nâng cao mang tính liên thông theo nhu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và đóng góp vào phát triển ngành nghề được đào tạo.

- Xây dựng quy chế phối hợp giữa nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo nguồn nhân lực, nhằm hỗ trợ và tạo cơ hội việc làm sau đào tạo thông qua cơ chế cam kết tuyển dụng theo nhu cầu phát triển của doanh nghiệp. Việc gắn kết chức năng đào tạo trong doanh nghiệp tạo điều kiện cho người học được tiếp cận tốt nhất với cơ hội việc làm sau đào tạo nhờ vào việc được tiếp cận với điều kiện làm việc và các kỹ năng yêu cầu khi được tuyển dụng. Sự tham gia tích cực và chủ động của doanh nghiệp trong đào tạo kỹ năng thực hành và thông qua việc góp ý, bổ sung và hoàn thiện chương trình đào tạo giúp mở rộng cơ hội nghề nghiệp cho người học nhờ vào tính phù hợp theo yêu cầu tuyển dụng sau đào tạo.

- Thiết lập cơ chế kết nối chặt chẽ giữa đào tạo và sản giao dịch việc làm để người học có cơ hội tìm kiếm việc làm sau đào tạo hiệu quả.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo phục vụ giảng dạy; bố trí thời gian thực tập tại doanh nghiệp để các nhà giáo cập nhật, nâng cao kỹ năng thực hành, tiếp cận công nghệ mới theo quy định.

- Tổ chức đào tạo các ngành, nghề trọng điểm của tỉnh gắn với nhu cầu thị trường lao động và phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tập trung đào tạo các trình độ trung cấp, cao đẳng đối với học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông sau phân luồng; chú trọng kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông và giáo dục nghề nghiệp cho đối tượng là học sinh trung học cơ sở sau phân luồng.

- Phối hợp với UBND các xã, phường, các doanh nghiệp tuyển sinh đào tạo tại chỗ cho người lao động phục vụ các doanh nghiệp, nhà máy đảm bảo chất lượng, hiệu quả và chịu trách nhiệm về kết quả đào tạo./.

CƠ SỞ ĐÀO TẠO NGHỀ NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Đơn vị tính: cơ sở

Tổng số cơ sở đào tạo nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh	Trong đó											
	Trường cao đẳng			Trường trung cấp			Trung tâm GDNN			Cơ sở khác có đăng ký hoạt động GDNN		
	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
		Công lập	Tư thực		Công lập	Tư thực		Công lập	Tư thực		Công lập	Tư thực
65	11	6	5	15	8	7	7	0	7	32	23	9

Biểu số 2

GIÁO VIÊN, GIẢNG VIÊN TRONG HỆ THỐNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

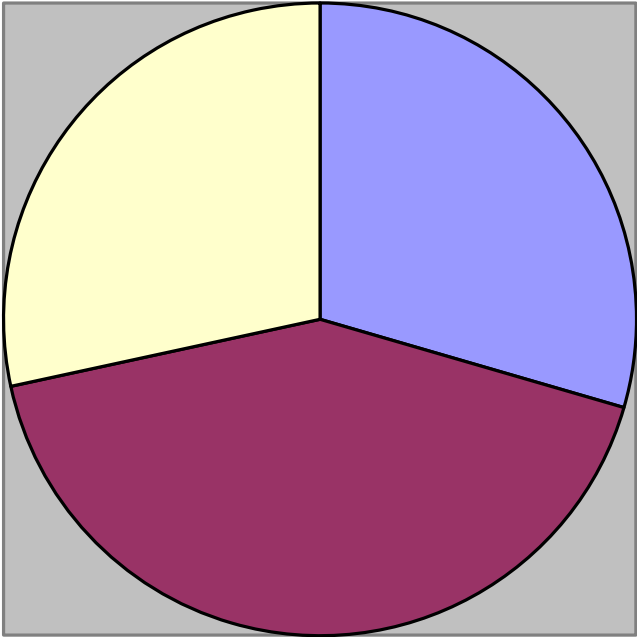
Đơn vị tính: người

	Mã số	Tổng số	Trong tổng số		Trong tổng số					
			Nữ	Dân tộc ít người	Công lập	Trong tổng số		Trung ương quản lý	Trong tổng số	
						Nữ	Dân tộc ít người		Nữ	Dân tộc ít người
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Tổng số	100	1.675	837	15	1.156	573	15	266	67	1
Chia theo cơ sở	110	1.675	837	15	1.156	573	15	266	67	1
Trường Cao đẳng	111	827	594	1	584	371	1	164	67	1
Trường Trung cấp	112	524	185	7	407	161	7			
Trung tâm giáo dục NN	113	122	17							
Cơ sở khác có đăng ký GDNN	114	202	41	7	165	41	7	102		
Chia theo cơ hữu	120	1.604	692	15	1.128	501	15	164	67	1
Biên chế	121	785	312	11	785	312	11	140	60	1
Hợp đồng (từ 1 năm trở lên)	122	819	380	4	343	189	4	24	7	
Chia theo trình độ chuyên môn	130	1.675	806	15	1.156	573	15	164	67	1
Trên đại học	131	396	234		308	229		65	29	
Đại học	132	882	522	11	582	315	11	85	37	1
Cao đẳng/cao đẳng nghề	133	155	35	3	90	15	3	12	1	
Trung cấp/Trung cấp nghề	134	242	15	1	176	14	1	2		

Biểu số 3**TỔNG TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIAI ĐOẠN 2020-2025**

Năm	Tổng TS (người)	Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng	Tỷ lệ qua đào tạo (%)	Tỷ lệ có VB, CC (%)
2020	86.786	2.700	9.000	75.086	70	27,6
2021	84.458	1.869	7.258	75.331	71	28
2022	83.658	2.921	8.012	72.725	72	28,5
2023	83.080	3.600	9.200	70.280	73	29
2024	83.380	3.600	9.200	70.580	74	29,5
2025	83.150	3.740	10.010	69.400	75	30

CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO NGÀNH NĂM 2025



- Nông - Lâm-Ngư
nghiệp: 29,5%
- Công nghiệp - Xây
dựng : 42,1%
- Dịch vụ: 28,4%

PHỤ LỤC
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ GIAO CHO CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh)

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
1	Tuyên truyền, phổ biến sâu rộng về nội dung, nhiệm vụ, giải pháp và tình hình thực hiện các nội dung của Đề án liên quan đến công tác đào tạo nhân lực có tay nghề cao; gắn đào tạo nghề với triển khai hiệu quả quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ, Tỉnh đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Báo và Phát thanh, Truyền hình Thanh Hóa; các đơn vị có liên quan	Văn bản	Thường xuyên	
2	Sáp nhập Trường Đại học Văn Hóa, Thể Thao và Du lịch Thanh Hóa vào Trường Đại học Hồng Đức	Trường Đại học Hồng Đức	Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Văn Hóa, Thể Thao và Du lịch Thanh Hóa và các đơn vị có liên quan	Quyết định UBND tỉnh	Quý II năm 2026	
3	Sáp nhập Trường TCN Kỹ nghệ vào Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa	Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa	Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo, Trường TCN Kỹ nghệ và các đơn vị có liên quan	Quyết định UBND tỉnh	Quý II năm 2026 ³	

³ Thời gian hoàn thành các Nhiệm vụ số (3), (4), (5), (6): Quý II năm 2026. Lý do: (1) Phù hợp với thời gian, trình tự, thủ tục trình các Đề án theo quy định; (2) Phù hợp với Nghị quyết số 10/2026/NQ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ về việc tiếp tục áp dụng văn bản quy định chi tiết, quy định biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số luật đã được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; Quyết định số 468/QĐ-BGDĐT ngày 03/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố văn bản quy phạm pháp luật của Bộ trưởng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết, quy định biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành các văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung, thay thế từ ngày 01/01/2026 tiếp tục được áp dụng toàn bộ, một phần; (3) Công văn số 8562/BGDĐT-TCCB ngày 25/12/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc định hướng sắp xếp, tổ chức lại cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập.

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
4	Sáp nhập Trường CDN Nghi Sơn vào Trường Cao đẳng Công nghiệp Thanh Hóa	Trường Cao đẳng Công nghiệp Thanh Hóa	Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo, Trường CDN Nghi Sơn và các đơn vị có liên quan	Quyết định UBND tỉnh	Quý II năm 2026	
5	Chuyển đổi Trường Trung cấp nghề Thanh Thiếu niên, khuyết tật đặc biệt khó khăn Thanh Hóa thành cơ sở giáo dục chuyên biệt.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Nội vụ và các sở, ngành, đơn vị có liên quan	Quyết định Chủ tịch UBND tỉnh	Quý II năm 2026	
6	Rà soát, sắp xếp các trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, các trường trung cấp nghề.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Nội vụ và các sở, ngành, đơn vị có liên quan	Quyết định UBND tỉnh	Quý II năm 2026	
7	Tham mưu thực hiện hiệu quả Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 của cấp có thẩm quyền; tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng GDNN đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045.	Sở Tài chính	Sở Giáo dục và Đào tạo; các sở, ngành, đơn vị có liên quan	Quyết định UBND tỉnh	Quý I năm 2026	
8	Triển khai cơ chế, chính sách thúc đẩy liên kết nhà trường - doanh nghiệp; khuyến khích doanh nghiệp thành lập cơ sở GDNN; thành lập quỹ đào tạo nhân lực, thúc đẩy đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng cho lực lượng lao động, nhất là đào tạo kỹ năng nghề trong các lĩnh vực công nghệ cao.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	Văn bản		Căn cứ vào hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo; nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp để

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
						triển khai thành lập quỹ đào tạo nhân lực
9	Rà soát nhu cầu học nghề; xây dựng kế hoạch đào tạo gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; nhu cầu tuyển dụng, sử dụng lao động của doanh nghiệp, nhà máy đóng trên địa bàn	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Nông nghiệp và Môi trường, các sở, ngành, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; UBND các xã, phường	Văn bản	Thường xuyên	
10	Hướng dẫn chính sách miễn, giảm, cấp bù học phí học nghề trình độ trung cấp, cao đẳng; quy định đối tượng, mức hỗ trợ chi phí đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng cho người lao động có nhu cầu học nghề trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa theo các Nghị định của Chính phủ và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành; các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; UBND các xã, phường	Văn bản	Thường xuyên	Căn cứ vào các Nghị định của Chính phủ để triển khai thực hiện
11	Chỉ đạo công tác tuyển sinh và nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo nghề cho người lao động gắn với giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh; Ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao hiệu quả công tác đào tạo nghề cho người lao động, đáp ứng yêu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Ngoại vụ, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Nội vụ, Sở Công thương; Sở Khoa học và Công nghệ; các cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Văn bản	Thường xuyên	
12	Bố trí kinh phí thực hiện các cơ chế, chính sách của tỉnh liên quan đến việc thực hiện Đề án; thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư các cơ sở GDNN	Sở Tài chính	Sở Giáo dục và Đào tạo; các sở, ngành đơn vị có liên quan	Quyết định cấp có thẩm quyền		Căn cứ vào thực tiễn để tham mưu

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
	trên địa bàn tỉnh theo quy định của Luật Đầu tư công; tổ chức bồi dưỡng kiến thức về khởi sự doanh nghiệp cho cá nhân có nhu cầu thành lập doanh nghiệp tại Thanh Hóa theo Nghị quyết số 214/2022/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.					đảm bảo phù hợp theo quy định của pháp luật
13	Triển khai cho vay nguồn vốn ủy thác địa phương để cho vay tạo việc làm cho người lao động đúng đối tượng, đạt hiệu quả; hỗ trợ cơ sở sản xuất, kinh doanh như doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh và người lao động có nhu cầu vay vốn để tạo việc làm, tự tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo quy định tại Nghị định số 338/2025/NĐ-CP ngày 25/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về chính sách hỗ trợ tạo việc làm.	Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính, Sở Nội vụ và các đơn vị, cá nhân có liên quan	Văn bản		Căn cứ vào nhu cầu thực tiễn của các tổ chức, cá nhân có nhu cầu vay vốn
14	Chủ động, thường xuyên cập nhật nghề mới và đổi mới chương trình theo nhu cầu thị trường; kiểm định chất lượng chương trình đào tạo; Xây dựng quy chế phối hợp giữa nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo nguồn nhân lực; tổ chức đào tạo các ngành, nghề trọng điểm của tỉnh gắn với nhu cầu thị trường lao động và phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tập trung đào tạo các trình độ trung cấp, cao đẳng đối với học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông sau phân	Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Sở Giáo dục và Đào tạo; các sở, ngành, đơn vị có liên quan	Chương trình đào tạo	Thường xuyên	

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
	luồng.					
15	Hướng dẫn xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo phục vụ giảng dạy; bố trí thời gian thực tập tại doanh nghiệp để các nhà giáo cập nhật, nâng cao kỹ năng thực hành, tiếp cận công nghệ mới theo quy định.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Văn bản	Hàng năm	
16	Chủ động xây dựng các mô hình “3 Nhà: Nhà nước - Nhà trường - Nhà doanh nghiệp”; mô hình gắn kết “2 Nhà và 1 Người: Nhà trường - Nhà doanh nghiệp và Người học”; mô hình gắn kết “2 Nhà trong 1: Nhà trường trong Nhà doanh nghiệp” giúp kết nối người học với nhà tuyển dụng nhằm bảo đảm cơ hội việc làm sau tốt nghiệp	Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Sở Giáo dục và Đào tạo; các sở, ngành, đơn vị có liên quan	Các mô hình	Hàng năm	
17	Triển khai nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia được phân bổ lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp; đồng thời huy động thêm nguồn vốn địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác để tổ chức đào tạo nghề cho người lao động trên địa bàn; chịu trách nhiệm về đối tượng học nghề, chất lượng, hiệu quả đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người lao động trên địa bàn	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành; UBND các xã, phường; các cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Văn bản	Khi có các quyết định phân bổ vốn của cơ quan có thẩm quyền	
18	Cung cấp thông tin về nhu cầu tuyển dụng, sử dụng lao động qua đào tạo các cấp trình độ; nhu cầu tự đào tạo nghề cho người lao động trước khi được	Các công ty, doanh nghiệp	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan	Văn bản	Hàng năm	

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
	tuyển dụng vào doanh nghiệp.					
19	Thành lập quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp để đào tạo và phát triển kỹ năng cho người lao động của doanh nghiệp; hỗ trợ người lao động của doanh nghiệp học tập, nâng cao trình độ chuyên môn; tài trợ cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp có hợp tác với doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và quy định của pháp luật khác có liên quan.	Các công ty, doanh nghiệp	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan	Quỹ đào tạo		Căn cứ vào nhu cầu của doanh nghiệp để thành lập quỹ đào tạo nhân lực
20	Cung cấp, thông tin nhu cầu sử dụng lao động tại các doanh nghiệp trên địa bàn Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp.	Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan	Văn bản	Hàng năm	
21	Rà soát, tham mưu UBND tỉnh ban hành, sửa đổi, bổ sung: Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp; định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí, đơn giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực GDNN.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Tài chính; các sở, ngành có liên quan; các cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Quyết định UBND tỉnh		Căn cứ hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo để triển khai thực hiện
22	Hướng dẫn thực hiện việc bố trí đội ngũ viên chức, người lao động, nhất là đội ngũ lãnh đạo, quản lý phù hợp, theo đúng quy định về phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức; quan tâm thực hiện chế độ, chính sách đối với viên chức, người lao động trong trường hợp tinh giản biên chế do sắp	Sở Nội vụ	Sở Giáo dục và Đào tạo; Trung tâm dịch vụ việc làm; các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các đơn vị có liên quan	Văn bản		Căn cứ vào văn bản chỉ đạo của cấp có thẩm quyền để triển khai

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
	xếp. Hướng dẫn các cơ sở giáo dục nghề nghiệp xây dựng Đề án vị trí việc làm theo quy định, trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.					thực hiện
23	Chỉ đạo Trung tâm dịch vụ việc làm phối hợp với các đơn vị có liên quan cung cấp thông tin thị trường lao động; nhu cầu tuyển dụng và nguồn lao động. Tổ chức các sự kiện việc làm như hội chợ, ngày hội, giao lưu việc làm. Đào tạo nâng cao kỹ năng và nghiệp vụ cho người lao động. Hỗ trợ doanh nghiệp trong việc quản lý và sử dụng lao động.	Sở Nội vụ	Trung tâm dịch vụ việc làm; các cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Văn bản	Hàng năm	
24	Hướng dẫn các doanh nghiệp; các cơ sở đào tạo nghề nghiệp tiếp thu ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, triển khai ứng dụng các đề tài nghiên cứu khoa học nhằm góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, hạ giá thành và nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường; khuyến khích các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ trong sản xuất kinh doanh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Giáo dục và Đào tạo; các cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Văn bản	Hàng năm	